

**CHUYÊN ĐỀ:**  
**DIALOGUE/CONVERSATION/ LETTER/ PARAGRAPH ARRANGEMENT**

**PHẦN 1. DẠNG BÀI SẮP XẾP CÂU TẠO THÀNH ĐOẠN HỘI THOẠI**

**Dạng sắp xếp đoạn hội thoại thường gặp trong đề thi:**

**a) Đối với dạng hội thoại ngắn**

**Ví dụ 1:**

- a. Mary: Thank you very much for your help!
- b. John: Well, keep straight on to the roundabout, then take the second exit on the left. It's a big building with a red roof on your right.
- c. Mary: Excuse me, could you show me the way to the public library?

**A. c - a - b                      B. a - b - c                      C. c - b - a                      D. a - c - b**

*(Trích đề thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2025- Mã đề 1101, câu 16)*

**TIPS LÀM BÀI NHANH VÀ TIẾT KIỆM THỜI GIAN**

**Tip 1:** Trong một đoạn hội thoại ngắn không thể có hai phương án liên tiếp đều là lời thoại của cùng một người. Hoặc có thể xét xem ai là người xuất hiện số lượt hội thoại nhiều hơn thì người đó sẽ nói trước.

**Tip 2:** Khi đã xác định được ai là người nói trước, ta xét tiếp xem câu nào sẽ là câu mở đầu hội thoại.

**Lời giải chi tiết cho câu ví dụ 1:**

- Áp dụng mẹo số 1: Trong một đoạn hội thoại ngắn, không thể có hai phương án liên tiếp đều là lời thoại của cùng một người. Như vậy, các phương án **A. c - a - b** hoặc **D. a - c - b** sẽ bị loại. Do đó, ta loại **A** và **D**.

- Xem xét 2 phương án của Mary để xét xem phương nào sẽ là câu bắt đầu đoạn hội thoại:

a. Mary: Thank you very much for your help!

c. Mary: Excuse me, could you show me the way to the public library?

→ Ta dễ dàng thấy phương án **c** sẽ bắt đầu đoạn hội thoại này.

→ Do đó **c** sẽ đi đầu tiên, sau đó đến **b**, và cuối cùng là **a** → Trật tự đúng: **c - b - a**

→ **Đáp án: C. c - b - a** là đáp án đúng

**b) Đối với dạng hội thoại dài**

**Ví dụ 2:**

a. Susan: I exercise regularly by jogging, swimming or doing martial arts. How about you?

b. Susan: That sounds great! I think daily exercise and a healthy diet are the key to staying healthy.

c. Louis: I do yoga at home every day, and I follow a low-fat diet.

d. Louis: You look awesome. What do you do to keep fit?

e. Louis: Absolutely! Physical well-being is essential for a happy life.

**A. d - a - c - b - e                      B. c - a - d - b - e                      C. e - a - d - b - c                      D. c - b - e - a - d**

*(Trích đề thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2025- Mã đề 1101, câu 15)*

**TIPS LÀM BÀI NHANH VÀ TIẾT KIỆM THỜI GIAN**

**Tip 1:** Dùng các phương án để loại trừ rồi từ đó tìm ra câu mở đầu đoạn hội thoại.

*(Câu mở đầu thường là câu hỏi hoặc câu khơi mào cuộc trò chuyện.)*

**Tip 2:** Sau khi đã xác định được câu mở đầu → tìm câu trả lời phù hợp để nối tiếp câu mở đầu → tìm câu hỏi hoặc phản hồi tiếp theo liên quan đến câu trả lời vừa đưa ra → tiếp tục tìm câu hỏi hoặc phản hồi phù hợp.

**Tip 3:** Tìm câu cuối cùng

(Câu cuối nên là một phần hồi mang tính kết luận hoặc thể hiện quan điểm.)

**Lời giải chi tiết cho ví dụ 2:**

→ Trước hết, ta cần xác định câu nào có thể mở đầu đoạn hội thoại.

### 1) Xác định câu mở đầu (Opening turn)

**d. Louis:** *You look awesome. What do you do to keep fit?*

→ Đây là một **lời khen + câu hỏi mở chủ đề** (compliment + topic-opening question). Rất tự nhiên để bắt đầu hội thoại về “thói quen giữ dáng”.

**a. Susan:** *I exercise regularly ... How about you?*

→ Câu này **không thể** đứng đầu vì chứa cụm “**How about you?**”. Cụm này chỉ dùng **sau khi** người nói đã nêu thói quen của mình và **mời đối phương hồi đáp**. Nếu đặt ở đầu, nó trở thành phi logic về ngữ dụng.

⇒ Kết luận: **Đoạn hội thoại buộc phải bắt đầu bằng d.**

(Loại mọi phương án không mở đầu bằng d.)

### 2) Xác lập cặp thoại liền kề (Adjacency pairs)

Sau **d (hỏi)**, câu trả lời tự nhiên là **a**:

- **a. Susan:** nêu **thói quen tập luyện** của bản thân (*jogging, swimming, martial arts*) + **hỏi lại** (*How about you?*)

⇒ Hình thành cặp thoại **Hỏi (d) → Đáp (a)** và tạo “cầu nối” để Louis nói tiếp.

### 3) Duy trì mạch hội thoại bằng liên kết ngữ nghĩa

Sau **a** (kết thúc bằng “How about you?”), đến lượt **Louis** đáp:

**c. Louis:** *I do yoga at home every day, and I follow a low-fat diet.*

→ Trả lời trực tiếp câu hỏi “How about you?”; đồng thời mở ra hai trường từ vựng: **exercise** (yoga) và **diet** (low-fat).

### 4) Phản hồi – đánh giá – khái quát (Evaluation/Generalization)

Tiếp theo là phản hồi hợp tình hợp lý của **Susan**:

**b. Susan:** *That sounds great! I think daily exercise and a healthy diet are the key to staying healthy.*

→ Dấu hiệu diễn ngôn “**That sounds great!**” cho thấy Susan **đang đánh giá** điều Louis vừa nói ở **c**.

Nội dung **b** còn **khái quát hóa** chính hai điểm **exercise/diet** mà Louis vừa nêu → **liên kết từ vựng** rất chặt.

### 5) Đóng hội thoại (Closing/Agreement)

Cuối cùng, **Louis** xác nhận và kết thúc mạch ý:

**e. Louis:** *Absolutely! Physical well-being is essential for a happy life.*

→ Từ nói “**Absolutely!**” thể hiện **đồng thuận** với quan điểm tổng kết của Susan ở **b**, phù hợp vị trí kết.

### 6) Kiểm chứng nhanh bằng phép loại trừ

**B (c – a – d – b – e):** c không thể mở đầu (thiếu ngữ cảnh “That sounds great!”/“Absolutely!” trước đó) và a chứa “How about you?” nên không thể theo sau c một cách mạch lạc.

**C (e – a – d – b – c):** e (“Absolutely!”) bắt buộc phải **đi sau** một phát biểu để đồng tình, không thể đứng đầu.

**D (c – b – e – a – d):** *b* (“That sounds great!”) chỉ có nghĩa khi **đứng sau** lời của Louis ở *c*; nhưng sau chuỗi *c – b – e*, câu *a* với “How about you?” trở nên **lạc nhịp** và đưa *d* về cuối là **phi logic** (lại hỏi tiếp ở vị trí kết).

⇒ Chỉ **A (d – a – c – b – e)** thỏa **trật tự ngữ dụng** và **liên kết diễn ngôn**.

### 7) Bản dịch kiểm chứng

**d** Louis: *Trông bạn rất khỏe. Bạn làm gì để giữ dáng?*

**a** Susan: *Mình tập đều: chạy bộ, bơi, hoặc võ. Còn bạn?*

**c** Louis: *Mình tập yoga ở nhà mỗi ngày và ăn ít chất béo.*

**b** Susan: *Tuyệt đấy! Mình nghĩ tập luyện hằng ngày và chế độ ăn lành mạnh là chìa khóa để khỏe mạnh.*

**e** Louis: *Chính xác! Thể chất khỏe mạnh là thiết yếu cho một cuộc sống hạnh phúc.*

### Kết luận

Mở đầu **bắt buộc** là **d** vì tính **ngữ dụng** (compliment + question) phù hợp nhất và vì **a** chứa “How about you?” không thể dùng làm câu mở.

Chuỗi đúng dựa trên **cặp thoại liền kề**, **liên kết từ vựng** (exercise/diet) và **dấu hiệu diễn ngôn** (That sounds great!/Absolutely!) là: **A. d – a – c – b – e**.

## PHẦN 2 - DẠNG BÀI SẮP XẾP CÂU TẠO THÀNH LÁ THƯ

### Ví dụ:

Dear Mr Smith,

- a. In case you have not received your chip-based card, contact our Customer Service at 0123247247.
- b. This will automatically deactivate your magnetic stripe card, which can then be safely destroyed by your cutting it in half.
- c. Your current magnetic stripe card expires on August 31st, whether the chip-based one is activated.
- d. Should you have received the chip-based credit card, please use it instantly.
- e. We would like to inform you that due to our operating system conversion, your magnetic stripe credit card has been replaced with a chip-based one, which has been on delivery to you.

*Yours sincerely,*

XYZ Bank

**A. c – e – a – b – d      B. e – d – b – c – a      C. e – a – b – d – c      D. c – e – d – a – b**

(Trích đề thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2025- Mã đề 1101, câu 18)

**Đây là dạng bài sắp xếp các câu để tạo thành một lá thư (hoặc email) hoàn chỉnh.**

Lá thư được chia thành hai phần:

#### - Phần đã cho sẵn:

- Phần mở đầu: “Dear Mr Smith,” (đã có sẵn trong đề, không cần sắp xếp).
- Phần kết thúc: “Yours sincerely, XYZ Bank” (cũng đã có sẵn, không cần sắp xếp).

- **Phần cần sắp xếp:** Các câu trong đoạn thân bài (a, b, c, d, e) cần được sắp xếp sao cho logic và phù hợp với ngữ cảnh.

### TIPS LÀM BÀI NHANH

### Tip 1: Xác định câu mở đầu hợp lý nhất

Thường câu đầu tiên sẽ nhắc đến nội dung chính của lá thư hoặc hỏi thăm sức khỏe..., mang tính dẫn dắt (ta có thể loại trừ các đáp án có câu mở đầu không phù hợp),

#### Ví dụ:

- “Thanks so much for ...”
- “I really appreciate the ...”
- “I’m writing to ask for your opinion about ...”
- “I just wanted to let you know that ...”
- “I hope this letter finds you well.”
- “How have you been recently?”

### Tip 2: Xác định câu kết hợp lý nhất

Câu cuối thường mang tính kết luận hoặc đề xuất như:

- Đề ra đề xuất: “What do you think about meeting up next week?”
- Hỏi ý kiến: “Let me know if you have any other tips.”
- Thể hiện mong đợi phản hồi: “I look forward to hearing from you soon.”

### Tip 3: Tìm các liên kết logic giữa các câu

Các từ nối như **but, so, also, and, because** giúp xác định trình tự các câu:

- **But**: dùng để phản biện hoặc thêm thông tin đối lập.
- **Also/And**: dùng để nối tiếp ý trước, bổ sung thông tin.
- **Because/So**: dùng để diễn giải hoặc đưa ra kết quả.

Các từ chỉ định như “this”, “that”, “these”, “those” thường dùng để nhắc lại hoặc đề cập đến một điều đã nói trước đó.

Lời giải chi tiết cho câu ví dụ trên:

#### Tóm tắt đề:

**a.** *In case you have not received your chip-based card, contact our Customer Service at 0123247247.*  
(Nếu anh/chị **chưa nhận được** thẻ gắn chip, hãy liên hệ CSKH qua số 0123247247.)

**b.** *This will automatically deactivate your magnetic stripe card, which can then be safely destroyed by your cutting it in half.*

(Điều này sẽ **tự động vô hiệu hóa** thẻ từ hiện tại; khi đó có thể hủy an toàn bằng cách cắt đôi.)

**c.** *Your current magnetic stripe card expires on August 31st, whether the chip-based one is activated.*  
(Thẻ từ hiện tại của anh/chị **hết hạn ngày 31/8**, bất kể thẻ chip đã kích hoạt hay chưa.)

**d.** *Should you have received the chip-based credit card, please use it instantly.*

(Nếu anh/chị **đã nhận** thẻ chip, vui lòng **dùng/kích hoạt ngay**.) – câu điều kiện đảo *Should you ... = If you ...*

**e.** *We would like to inform you that due to our operating system conversion, your magnetic stripe credit card has been replaced with a chip-based one, which has been on delivery to you.*

(Xin thông báo: do chuyển đổi hệ thống, thẻ từ của anh/chị **được thay bằng thẻ chip** và **đang gửi** tới anh/chị.)

### TIPS ÁP DỤNG NHANH

#### Tip 1 – Chọn câu mở đầu:

Câu mở đầu thường **nêu mục đích thông báo**. Trong 5 câu, chỉ **e** thực hiện chức năng “thông báo chính” (thay thẻ từ → thẻ chip).

→ **Mở đầu phải là e** (loại các phương án bắt đầu bằng c).

## Tip 2 – Chọn câu kết:

Câu kết trong thư dịch vụ thường là **phương án xử lý còn lại/đầu mối liên hệ**. Câu **a** (“In case you have not received... contact...”) đóng vai **chỉ dẫn cuối** nếu người nhận **chưa nhận được** thẻ.

→ **Kết nên là a.**

## Tip 3 – Liên kết logic & tham chiếu “This”

**d → b:** Sau khi **nhận thẻ chip** (*d*), hành động “**use it instantly**” = **kích hoạt/dùng ngay**. Đại từ chỉ định “**This**” ở **b** vì thẻ **chỉ** chính **hành động dùng/kích hoạt** vừa nêu, dẫn tới hệ quả **tự vô hiệu hóa** thẻ từ cũ → mạch nhân-quả chặt chẽ.

**c** là **nhắc hạn dùng** của thẻ từ, hợp lý để **nhấn mạnh tính cấp bách** ngay sau khi hướng dẫn đã rõ (*d-b*), rồi mới đến **kênh liên hệ** nếu chưa nhận (*a*).

## Dựng trật tự đúng (và loại trừ đáp án sai)

### Bước 1: e mở thư

e tuyên bố lý do và nội dung chính: thay thẻ → thẻ chip đang gửi.

### Bước 2: Trường hợp đã nhận thẻ → d rồi b

**d:** “Should you have received... please use it instantly.” (đã nhận thì **dùng/kích hoạt ngay**).

**b:** “**This** will automatically deactivate your magnetic stripe card ...” → **This** = hành động ở **d** (dùng/kích hoạt), nên **b** phải đứng **sau d**.

### Bước 3: Nhấn mạnh hạn thẻ cũ → c

**c:** cảnh báo thẻ từ **hết hạn 31/8**, tạo **tính khẩn** để người nhận làm theo hướng dẫn trên.

### Bước 4: Nhánh chưa nhận → a (kết thư)

**a:** nếu **chưa nhận** thẻ chip, **liên hệ CSKH**. Đây là call-to-action hợp lý để kết thúc.

**Chuỗi hoàn chỉnh: e – d – b – c – a**

## Loại trừ nhanh các phương án khác

**A (c – e – a – b – d):** *c* (hạn thẻ) **không** thẻ mở đầu; *b* sau *a* làm “**This**” ám chỉ **gọi CSKH**, không hợp logic “tự động vô hiệu hóa”.

**C (e – a – b – d – c):** đặt *a* (chưa nhận) ngay sau thông báo khiến *b* (“**This** will...” ) buộc phải tham chiếu **việc gọi CSKH**, không tự nhiên bằng việc tham chiếu **kích hoạt/dùng thẻ**; thêm nữa *d* (“đã nhận thì dùng ngay”) đến **sau** khi đã nói “hủy thẻ cũ” là **ngược trình tự**.

**D (c – e – d – a – b):** mở bằng *c* là sai chức năng; *b* đứng cuối sau *a* tiếp tục mắc lỗi tham chiếu “**This**”.

## Bản thư sau khi sắp xếp (để kiểm chứng)

Dear Mr Smith,

**e.** We would like to inform you that, due to our operating system conversion, your magnetic stripe credit card has been replaced with a chip-based one, which has been on delivery to you.

**d.** Should you have received the chip-based credit card, please use it instantly.

**b.** This will automatically deactivate your magnetic stripe card, which can then be safely destroyed by your cutting it in half.

**c.** Your current magnetic stripe card expires on August 31st, whether the chip-based one is activated.

**a.** In case you have not received your chip-based card, contact our Customer Service at 0123247247.

Yours sincerely,

XYZ Bank

**Kết luận**

**Đáp án đúng:** B. e – d – b – c – a, vì:

1. e nêu mục đích/mạch chính,
2. d → b tạo quan hệ **hành động–hệ quả** qua chỉ định từ “This”,
3. c nhấn hạn dùng (tính khẩn),
4. a là chỉ dẫn cuối cho trường hợp còn lại (**chưa nhận**).

### PHẦN 3. DẠNG BÀI SẮP XẾP CÂU TẠO THÀNH ĐOẠN VĂN

Các khái niệm quan trọng:

#### **a) Câu chủ đề (topic sentence)**

Là câu đầu tiên trong mỗi đoạn văn, có vai trò truyền tải ý chính của đoạn. Một câu chủ đề cần thể hiện rõ hai yếu tố quan trọng: chủ đề của đoạn văn và định hướng nội dung cho toàn bộ đoạn.

**Ví dụ:**

Air pollution is becoming a serious issue affecting human health and the environment.

*(Ô nhiễm không khí đang trở thành một vấn đề nghiêm trọng ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường.)*

#### **b) Câu hỗ trợ (supporting sentences)**

Câu hỗ trợ là những câu bổ sung và giải thích cho ý chính được trình bày trong câu chủ đề. Nếu câu chủ đề mang ý nghĩa chung và bao quát, thì các câu hỗ trợ sẽ cung cấp những ý tưởng chi tiết hơn để làm rõ và diễn giải nội dung đó.

**Ví dụ:**

1. Air pollution contains many harmful substances, such as fine particulate matter (PM2.5), which can cause respiratory diseases like pneumonia, asthma, and lung cancer.

*(Ô nhiễm không khí chứa nhiều chất độc hại như bụi mịn PM2.5, có thể gây ra các bệnh về hô hấp như viêm phổi, hen suyễn và ung thư phổi.)*

2. Besides affecting human health, air pollution also has negative impacts on the environment, leading to acid rain and deteriorating urban air quality.

*(Ngoài ảnh hưởng đến sức khỏe con người, ô nhiễm không khí còn tác động tiêu cực đến môi trường, gây mưa axit và làm suy giảm chất lượng không khí đô thị.)*

#### **c) Câu kết luận (concluding sentence)**

Là câu cuối cùng trong đoạn văn, có vai trò tóm tắt ý chính đã trình bày hoặc đưa ra nhận định tổng quát về vấn đề đang thảo luận. Một câu kết luận hiệu quả không chỉ củng cố thông điệp của đoạn mà còn tạo sự kết nối với các phần tiếp theo hoặc nhấn mạnh tầm quan trọng của vấn đề.

**Ví dụ:**

Therefore, without strict control measures, air pollution will continue to increase, leading to severe consequences for human health and the environment.

(Do đó, nếu không có biện pháp kiểm soát chặt chẽ, ô nhiễm không khí sẽ tiếp tục gia tăng, gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với sức khỏe con người và môi trường.)

### **Các dạng bài sắp xếp câu tạo thành đoạn văn thường gặp:**

#### **a) Sắp xếp đoạn văn đã cho trước câu kết luận**

##### **Ví dụ 1:**

- a. While deadlines and flexibility are essential aspects of this job, the occasional office meeting for project updates, for instance, is a small trade-off.
- b. Working remotely from home fuels my creativity and allows for a more productive environment.
- c. Indeed, for the past year, I have thrived in this role at a local company, where I craft engaging online content and develop effective strategies.
- d. My passion for both people and technology naturally led me to a fulfilling career in social media management.
- e. In conclusion, I am incredibly happy with my current position and the opportunities it provides, as it perfectly combines my interests and skills.

**A.** d - c - b - a - e

**B.** a - b - c - d - e

**C.** b - c - d - a - e

**D.** c - a - d - b - e

→ Đối với dạng câu sắp xếp này, khi đọc qua các phương án ta đều nhận thấy một điểm chung là chúng đều kết thúc là “e”. Khi đọc “e” ta thấy có từ “in conclusion” (kết luận), vì thế thông qua các đáp án ta có thể rút ra rằng đoạn này đã cho trước câu kết luận.

Hơn nữa, các phương án đều khác nhau ở vị trí đầu tiên, nên nếu ta tìm được câu chủ đề thì sẽ ra được đáp án đúng.

### **TIPS LÀM BÀI NHANH VÀ CHÍNH XÁC**

#### **- Tip 1:**

Để nhanh chóng xác định câu chủ đề, chúng ta cần hiểu rằng câu chủ đề phải mang tính bao quát và truyền tải nội dung chính của đoạn văn. Vì vậy, hãy xem xét vị trí đầu tiên của các phương án và loại bỏ những phương án không phù hợp. Những câu quá chi tiết thường là câu hỗ trợ, không phải câu chủ đề.

#### **- Tip 2:**

Nếu gặp khó khăn trong việc xác định câu chủ đề, hãy thử chọn một phương án bất kỳ và đọc mạch bài để xem liệu nó có logic về nghĩa hay không. Bạn cũng có thể tìm mối liên kết giữa các câu bằng cách dựa vào liên từ và đại từ. Ví dụ, những câu chứa liên từ chỉ kết quả như “Therefore”, “Consequently”, “As a result” thường không thể là câu chủ đề.

Tương tự, các đại từ như “this”, “that”, “these”, “those”, “they”, “them” thường dùng để nhắc lại danh từ đã xuất hiện trước đó, nên khó có thể đứng đầu đoạn với vai trò câu chủ đề.

#### **Lời giải chi tiết ví dụ 1:**

##### **Tạm dịch đề bài:**

- a. While deadlines and flexibility are essential aspects of this job, the occasional office meeting for project updates, for instance, is a small trade-off.

(Trong khi thời hạn và tính linh hoạt là những khía cạnh thiết yếu của công việc này, thì việc họp văn phòng thỉnh thoảng để cập nhật dự án, chẳng hạn, là một sự đánh đổi nhỏ.)

- b. Working remotely from home fuels my creativity and allows for a more productive environment.

(Làm việc từ xa tại nhà thúc đẩy sự sáng tạo của tôi và tạo ra môi trường làm việc hiệu quả hơn.)

c. Indeed, for the past year, I have thrived in this role at a local company, where I craft engaging online content and develop effective strategies.

(Thật vậy, trong năm qua, tôi đã phát triển mạnh mẽ trong vai trò này tại một công ty địa phương, nơi tôi tạo ra nội dung trực tuyến hấp dẫn và phát triển các chiến lược hiệu quả.)

d. My passion for both people and technology naturally led me to a fulfilling career in social media management.

(Niềm đam mê của tôi đối với cả con người và công nghệ đã tự nhiên đưa tôi đến với sự nghiệp viên mãn trong quản lý phương tiện truyền thông xã hội.)

e. In conclusion, I am incredibly happy with my current position and the opportunities it provides, as it perfectly combines my interests and skills.

(Tóm lại, tôi vô cùng hài lòng với vị trí hiện tại của mình và những cơ hội mà nó mang lại, vì nó kết hợp hoàn hảo sở thích và kỹ năng của tôi.)

**Xét các phương án:**

**A. d - c - b - a - e** → **Đúng** về câu chủ đề và logic mạch bài

**B. a - b - c - d - e** → **Loại** vì *while* (trong khi) hiếm khi là câu mở đầu cho một đoạn văn. Hơn nữa, “a” khi dịch nghĩa cũng chỉ là một câu phân tích chi tiết, không phải câu chủ đề.

**C. b - c - d - a - e** → **Loại**, dù cảm thấy “b” có thể là câu chủ đề, nhưng khi đọc tiếp “c” thấy từ *in this role* (trong vai trò này) mà trước đó chưa đề cập đến vai trò nào → loại.

**D. c - a - d - b - e** → **Loại**, vì *Indeed* (thật vậy, thực tế là) hiếm khi là câu mở đầu đoạn văn. “c” dịch nghĩa cũng không có đề cập rõ ràng vai trò → loại.

**Tạm dịch đoạn văn:**

**d.** Niềm đam mê của tôi đối với cả con người và công nghệ đã tự nhiên đưa tôi đến với sự nghiệp viên mãn trong quản lý phương tiện truyền thông xã hội.

**c.** Thật vậy, trong năm qua, tôi đã phát triển mạnh mẽ trong vai trò này tại một công ty địa phương, nơi tôi tạo ra nội dung trực tuyến hấp dẫn và phát triển các chiến lược hiệu quả.

**b.** Làm việc từ xa tại nhà thúc đẩy sự sáng tạo của tôi và tạo ra môi trường làm việc hiệu quả hơn.

**a.** Trong khi thời hạn và tính linh hoạt là những khía cạnh thiết yếu của công việc này, thì việc họp văn phòng thỉnh thoảng để cập nhật dự án, chẳng hạn, là một sự đánh đổi nhỏ.

**e.** Tóm lại, tôi vô cùng hài lòng với vị trí hiện tại của mình và những cơ hội mà nó mang lại, vì nó kết hợp hoàn hảo sở thích và kỹ năng của tôi.

⇒ Do đó, **A. d - c - b - a - e** là đáp án phù hợp.

**b) Sắp xếp đoạn văn đã cho trước câu chủ đề**

**Ví dụ 2:**

**a.** However, despite this growth, Redmond still lacks a hospital, as the nearest one is located over 30 miles away in Longreach.

**b.** Once abundant parks on Oak Street and Richmond Avenue have been replaced by factories, marking a shift towards industrialization.

**c.** The industrial shift has also attracted new businesses, from arcades to shops and factories, boosting the local economy and making Redmond more and more commercially active.

**d.** Redmond has transformed significantly over the past decade.

**e.** This industrial growth has led to a 25% population boom due to an influx of factory workers, resulting in increased traffic congestion.

**A. d - b - c - e - a**

**B. d - c - a - b - e**

**C. d - a - e - b - c**

**D. d - e - b - c - a**

(Trích đề tham khảo 2025)



⇒ Đối với dạng câu sắp xếp này, khi đọc qua các phương án ta đều nhận thấy một điểm chung là chúng đều bắt đầu là **d**. Vì thế, với dạng bài này chúng ta đã được cho sẵn câu chủ đề và không cần tìm nữa.

## TIPS LÀM BÀI NHANH VÀ CHÍNH XÁC

- **Tip 1:** Dịch câu chủ đề và xác định các câu tiếp theo đó bằng cách dùng các đáp án đã cho. Dùng phương pháp loại trừ khi thấy có một đáp án không phù hợp về logic đoạn văn.

- **Tip 2:** Tìm các từ nối và liên từ giúp liên kết câu

• **Liên từ chỉ nguyên nhân – kết quả** (Because, Since, As, Therefore, Consequently, Thus, As a result): Dùng để chỉ mối quan hệ nhân quả.

• **Liên từ chỉ sự tương phản** (However, Nevertheless, On the other hand, In contrast): Dùng để đối lập hai ý.

• **Liên từ chỉ bổ sung** (Moreover, Furthermore, In addition, Additionally): Dùng để thêm thông tin.

• **Liên từ chỉ thời gian hoặc trình tự** (First, Next, Then, Finally): Dùng để mô tả trình tự sự việc.

- **Tip 3:** Xác định câu kết luận

• Câu kết luận có thể là câu tóm tắt lại ý chính đã được trình bày hoặc đưa ra nhận định tổng quát về vấn đề đang thảo luận.

• Ta cũng có thể căn cứ vào các liên từ, từ nối như:

In conclusion, (*Kết luận lại,*)

To sum up, (*Tóm lại,*)

In summary, (*Tóm tắt lại,*)

All in all, (*Tóm lại,*)

Overall, (*Nhìn chung,*)

To put it simply, (*Nói một cách đơn giản,*)

As a result, (*Kết quả là,*)

Therefore, (*Do đó,*)

Thus, (*Vì vậy,*)

Consequently, (*Hệ quả là,*)

**Lời giải chi tiết ví dụ 2:**

**Tạm dịch đề bài:**

a. However, despite this growth, Redmond still lacks a hospital, as the nearest one is located over 30 miles away in Longreach.

(*Tuy nhiên, mặc dù sự phát triển này, Redmond vẫn thiếu một bệnh viện, vì bệnh viện gần nhất nằm cách xa hơn 30 dặm ở Longreach.*)

b. Once abundant parks on Oak Street and Richmond Avenue have been replaced by factories, marking a shift towards industrialisation.

(*Các công viên từng rất đông đúc trên phố Oak và đại lộ Richmond đã được thay thế bằng các nhà máy, đánh dấu sự chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa.*)

c. The industrial shift has also attracted new businesses, from arcades to shops and factories, boosting the local economy and making Redmond more and more commercially active.

(*Sự chuyển dịch công nghiệp cũng thu hút các doanh nghiệp mới, từ các khu trò chơi điện tử đến các cửa hàng và nhà máy, thúc đẩy nền kinh tế địa phương và khiến Redmond ngày càng năng động hơn về mặt thương mại.*)

d. Redmond has transformed significantly over the past decade.

(Redmond đã thay đổi đáng kể trong thập kỷ qua.)

e. This industrial growth has led to a 25% population boom due to an influx of factory workers, resulting in increased traffic congestion.

(Sự tăng trưởng công nghiệp này đã dẫn đến sự bùng nổ dân số 25% do dòng công nhân nhà máy đổ đến, dẫn đến tình trạng tắc nghẽn giao thông gia tăng.)

**Xét các phương án:**

A. d - b - c - e - a → Phù hợp về logic đoạn văn. Hơn nữa “a” là câu kết luận phù hợp vì sau khi đã nêu ra sự phát triển, nó đưa ra nhận định thêm là mặc dù sự phát triển này Redmond vẫn thiếu một bệnh viện.

B. d - c - a - b - e → Không phù hợp về logic đoạn văn. “c” có thông tin “The industrial shift has also attracted new businesses” (Sự chuyển dịch công nghiệp cũng thu hút các doanh nghiệp mới) nhưng “d” chưa đề cập đến sự dịch chuyển công nghiệp nào cả.

C. d - a - e - b - c → Không phù hợp về logic đoạn văn. “a” có thông tin “However, despite this growth...” (Tuy nhiên, mặc dù sự phát triển này...) nhưng “d” chỉ nói Redmond thay đổi đáng kể và chưa đề cập đến sự phát triển nào.

D. d - e - b - c - a → Không phù hợp về logic đoạn văn. “e” có thông tin “This industrial growth has led to...” (Sự tăng trưởng công nghiệp này đã dẫn đến...) nhưng “d” chưa đề cập đến sự tăng trưởng công nghiệp nào cả.

**Tạm dịch đoạn văn:**

d. Redmond đã thay đổi đáng kể trong thập kỷ qua.

b. Các công viên từng rất đông đúc trên phố Oak và đại lộ Richmond đã được thay thế bằng các nhà máy, đánh dấu sự chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa.

c. Sự chuyển dịch công nghiệp cũng thu hút các doanh nghiệp mới, từ các khu trò chơi điện tử đến các cửa hàng và nhà máy, thúc đẩy nền kinh tế địa phương và khiến Redmond ngày càng năng động hơn về mặt thương mại.

e. Sự tăng trưởng công nghiệp này đã dẫn đến sự bùng nổ dân số 25% do dòng công nhân nhà máy đổ đến, dẫn đến tình trạng tắc nghẽn giao thông gia tăng.

a. Tuy nhiên, mặc dù sự phát triển này, Redmond vẫn thiếu một bệnh viện, vì bệnh viện gần nhất nằm cách xa hơn 30 dặm ở Longreach.

→ Do đó, A. d - b - c - e - a là đáp án phù hợp.

c) Sắp xếp đoạn văn không cho trước câu chủ đề và câu kết luận

**TIPS LÀM BÀI NHANH VÀ CHÍNH XÁC**

- **Tip 1:** Sử dụng các phương án để thu hẹp phạm vi tìm câu chủ đề.

→ Câu chủ đề thường đưa ra một nhận định chung hoặc tóm lược ý chính của toàn đoạn.

- **Tip 2:** Dựa vào các liên từ và từ nối để xác định trình tự hợp lý của các câu tiếp theo, đảm bảo sự liên kết mạch lạc trong đoạn văn.

**Ví dụ 3:**

a. Marvelli has now become a more dynamic and prosperous city, offering greater opportunities for both residents and investors.

b. These vital improvements have notably boosted Marvelli's economy, fostering the growth of local businesses and attracting foreign investment.

c. To accommodate this growth, city planners have replaced the older terraced housing with modern

high-rise buildings and expanded public facilities such as schools and hospitals.

d. Recognising the increasing traffic congestion, the city council has had the main roads widened and an intelligent traffic monitoring system installed to optimise traffic flow.

e. Over the past decade, the city of Marvelli has undergone a considerable transformation, experiencing an upsurge in population and an overload on the existing transport infrastructure.

A. a – b – d – e – c      B. e – d – c – a – b      C. e – c – c – d – b – a      D. a – d – b – c – e

(Trích đề thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2025- Mã đề 1101, câu 14)

### Lời giải chi tiết ví dụ 3:

**Mục tiêu:** Sắp xếp 5 câu thành đoạn văn hoàn chỉnh.

#### 1) Nhận diện mở đoạn & kết đoạn

**Mở đoạn – e:** có khung thời gian “*Over the past decade*” + nêu bối cảnh/vấn đề chung (tăng dân số, quá tải hạ tầng) ⇒ câu chủ đề.

**Kết đoạn – a:** đánh giá tổng hợp ở mức khái quát “*has now become...*” ⇒ câu kết luận.

#### 2) Mạch triển khai (Context → Solutions → Result → Conclusion)

**Giải pháp 1 – c:** “*To accommodate this growth ...*” ⇒ **this growth** quy chiếu **upsurge in population** (e) ⇒ c đứng ngay sau e.

**Giải pháp 2 – d:** xử lý **traffic congestion** (tham chiếu **overload on transport** trong e) ⇒ d theo sau c.

**Hệ quả – b:** “*These vital improvements...*” ⇒ **These** hồi chỉ **c + d** ⇒ b đứng sau khi nêu đủ giải pháp.

**Kết – a:** tổng hợp diện mạo mới của thành phố.

→ Thứ tự đúng: **e – c – d – b – a**.

#### 3) Loại trừ nhanh các đáp án sai

**A/D:** mở bằng **a** (kết quả) hoặc kết bằng **e** (bối cảnh) ⇒ ngược logic diễn ngôn.

**B:** đặt **a** (kết luận) trước **b** (hệ quả cụ thể)

**Kết luận:** Trật tự đúng **e – c – d – b – a** (đáp án C).